TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2025/HS-PT
Ngày: 13/02/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ong Thân T;

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Đ;

Ông Ngô Quang D.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hà Trang, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng T, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm: Phòng xét xử trực tuyến - Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần: Phòng xét xử trực tuyến - Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1037/2024/TLPT-HS ngày 16 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội "Giết người", do có kháng cáo của bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2024/HS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đức H, sinh năm 1967; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; nơi cư trú: thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Đảng, đoàn thể: Không; H1 và tên bố: Nguyễn Xuân N, sinh năm 1934; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1939; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; Con: Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1993; Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo đầu thú ngày 26/01/2024; tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/01/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức H:** Luật sư Trần Văn A và Luật sư Nguyễn Văn H2 - Văn phòng L3 - Đoàn Luật sư tỉnh B; Luật sư A vắng mặt, luật sư H2 có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại có kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị Thu H3, sinh năm 1998. Địa chỉ: Số B, ngõ F, đường T, phường T, quận L, thành phố Hà Nội; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H3: Ông Vũ Hoàng L1, luật sư Công ty L4 thuộc Đoàn luật sư thành phố H; có mặt

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; có mặt

Địa chỉ: thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang

*** Người làm chứng:**

1. Ông Vũ Trí L2, sinh năm 1963; có mặt

Địa chỉ: Thôn P, Xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Ông Nguyễn Thanh N1, sinh năm 1958; có mặt

Địa chỉ: Thôn P, Xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức H, sinh năm 1967 và anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1973, đều trú tại thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang là anh em con bá con cậu, giữa hai người không có mâu thuẫn gì. Khoảng 17 giờ ngày 26/01/2024, H đi ăn cỗ cưới về thì gặp ông Vũ Trí L2, sinh năm 1963 là người ở cùng thôn, cách nhà H khoảng 100 mét. Khi gặp H, ông L2 mời H đến tối sang nhà ăn cơm, uống rượu, H đồng ý. Khoảng 18 giờ 45 phút cùng ngày, anh S đến nhà ông L2 để ăn cơm, uống rượu; ông L2 điện thoại gọi H sang ăn cơm. Khoảng 19 giờ cùng ngày, H đến nhà ông L2 cùng ngồi ăn cơm, uống rượu với ông L2 và anh S. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, sau khi đã ăn cơm, uống rượu xong, ba người ra bàn ngồi uống nước. Ông L2 định pha trà để uống thì anh S nói là không uống trà mà uống cà phê rồi anh S lấy cà phê ở bàn ra pha. H nói là anh S không biết pha cà phê thì anh S phản ứng lại và nói là H mới là người không biết pha cà phê. Từ đó, giữa H và anh S xảy ra mâu thuẫn và định lao vào đánh nhau nhưng được ông L2 can ngăn. Anh S chạy xuống bếp nhà ông L2 lấy 01 con dao phay chạy lại chỗ H, ông L2 lao đến ôm anh S để can ngăn. Thấy anh S cầm dao, H liền chạy đến chỗ giá để dao ở khu vực cửa bếp nhà ông L2 lấy 01 con dao phay và 01 con dao nhọn loại dao chọc tiết lợn chạy đến chỗ anh S thì ông L2 du anh S ra và ngăn H lại. Anh S cầm dao đi nhanh ra cổng nhà ông L2 rồi đi về phía vườn nhà ông Nguyễn Thanh N1, sinh năm 1958 là anh trai H. H cầm theo 02

con dao đi theo anh S, ông L2 đi tiếp theo phía sau H. Khi anh S và H đi vào vườn cây nhà ông N1 thì hai người tiếp tục xô xát với nhau. Theo H khai, anh S bỏ dao xuống, lấy 01 khúc gỗ dài khoảng hơn 01 mét dùng để chống cây ở vườn nhà ông N1, đứng đối diện cách khoảng 01 mét vụt H một cái nhưng không trúng. Anh S giơ khúc gỗ lên định vụt tiếp thì H cầm con dao nhọn loại dao chọc tiết lợn ở tay phải, bước chân phải lên, dùng dao đâm một nhát, hướng từ phải sang trái, trúng vùng ngực trái anh S làm anh S nằm gục xuống. Lúc này ông L2 đi đến, H và ông L2 gọi người đưa anh S đi cấp cứu. H vứt con dao phay ở vườn nhà ông N1, con dao nhọn dùng để đâm anh S thì H cầm về vứt ở vườn nhà ông L2. H đi về nhà nói cho vợ, con mình biết sự việc. Hồi 22 giờ cùng ngày, anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1990 là con H đã đưa H đến Công an xã T đầu thú. Kiểm tra thân thể H không có thương tích gì, kiểm tra nồng độ cồn trong cơ thể H là 0,856 mg/lít khí thở. Ngày 27/01/2024, Cơ quan điều tra đã thu giữ, niêm phong 02 chiếc áo và 01 chiếc quần H mặc khi gây án; thu giữ, niêm phong mẫu tóc của H.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Nơi xảy ra vụ án là tại vườn trồng cây ăn quả của gia đình ông N1, vườn tiếp giáp với đường đi của thôn và tiếp giáp với đất nhà ông L2, xung quanh vườn được quây kín bằng rào kim loại (lưới B40) cao 1,5 mét, cửa ra vào vườn làm bằng khung kim loại gắn mắt lưới B40 kích thước (1,6 x 1,1) mét. Trong vườn cây, tại vị trí cách cột kim loại cố định cửa ra vào 5,1 mét có 01 cây mít, trên thân, cành lá cây mít và bề mặt nền đất bám dính dấu vết màu nâu đỏ, dạng bắn, nhỏ giọt (ký hiệu số 1), trên diện (0,98 x 0,7) mét, tâm vết cách cột kim loại cố định cửa ra vào là 4,5 m mét, điểm cao nhất trên thân cây mít cách đất 1,15 mét. Trên nền đất tại vườn, tại vị trí cách cột kim loại cố định cửa ra vào 03 mét, cách tâm dấu vết ký hiệu số 1 là 1,5 mét, phát hiện diện dấu vết màu nâu đỏ dạng loang tạo vũng (ký hiệu số 2), kích thước (0,7 x 0,3) mét. Tương ứng vị trí này phát hiện 03 đoạn gỗ cùng có đường kính 0,08 mét, một đầu có dấu vết gãy và dấu vết cắt nhỡ còn mới, kích thước lần lượt là 1,94 mét, 0,44 mét và 0,68 mét. Cách vị trí này về phía T 02 mét, phát hiện 01 điện thoại di động có ốp bằng da màu nâu (ký hiệu số 3). Trong vườn, tại vị trí sát mép lưới phía cuối vườn, cách cột kim loại cố định cửa ra vào 10,3 mét, cách dấu vết ký hiệu số 3 về phía Đông Bắc là 6,1 mét, phát hiện 01 con dao kim loại có một lưỡi sắc (ký hiệu số 4) dài 0,39 mét, bản rộng 0,08 mét, chuôi gỗ dài 0,13 mét. Trên nền đất, tại vị trí sát mép rào kim loại phía Tây Nam vườn, cách vị trí dấu vết màu nâu đỏ ký hiệu số 2 là 3,15 mét, phát hiện 01 con dao kim loại, loại một lưỡi sắc (ký hiệu số 5), dài 0,37 mét, bản rộng 0,07 mét, chuôi gỗ dài 0,12 mét. Mở rộng hiện trường về phía T 95 mét là khu đất và nhà ở của gia đình ông L2, bên ngoài xây tường bao kiên cố có cổng ra vào ở mặt

phía Đông; nhà ở, sân và nhà bếp bố trí ở góc phía Tây Nam khu đất. Xem xét nhà ở thấy là loại nhà cấp 4 có 3 gian, diện tích (9,5 x 4,2) mét, cửa ra vào phía Nam loại hai cánh trong trạng thái mở vào trong, kích thước (02 x 01) mét, gian chính giữa bố trí ban thờ, bàn uống nước, ghế băng dài, trên bàn kính uống nước có 03 chén và bộ cốc kim loại pha cà phê, 01 gói cà phê hòa tan. Trên vườn cây, cách mép phía T sân 1,2 mét, cách mép tường nhà ở phía Tây 3,6 mét, phát hiện 01 con dao kim loại có một đầu nhọn và một lưỡi sắc (loại dao chọc tiết lợn), bề mặt bám dính chất màu nâu đỏ (nghi máu) chiều dài 0,335 mét, bản rộng 0,043 mét, chuôi dài 0,125 mét (ký hiệu số 6). Cơ quan điều tra đã thu giữ, niêm phong dấu vết màu nâu đỏ nghi máu ở vị trí số 1 và số 2; 03 con dao kim loại tại các vị trí ký hiệu số 4, số E, số F; 01 điện thoại di động tại vị trí ký hiệu số 3; 02 đoạn gỗ đường kính 0,08 mét, dài lần lượt 0,44 mét và 0,68 mét tại hiện trường.

Kết quả khám nghiệm tử thi anh Nguyễn Ngọc S: Chiều dài tử thi là 1,72 mét, đang trong giai đoạn mềm lạnh. Kiểm tra áo mặc ngoài thấy vùng ngực áo trái cách nách áo 4,5 cm, đường đường chỉ sườn 3,5 cm có vết rách thủng vải, bở mép gọn kích thước (4,2 x 0,5) cm. Các áo mặc trong có vết rách thủng vải tương ứng vị trí áo mặc ngoài. Tất cả các áo đều bám dính chất màu nâu đỏ. Vùng ngực trái trên đường nách trước, cách núm vú trái 8,5 cm, cách hõm nách 7,0 cm có vết thương rách da nằm ngang, bờ mép sắc gọn, đầu trước tù, đầu sau nhọn, sâu thấu trong, kích thước (4,1 x 1,4) cm, khép miệng vết thương dài 4,7 cm, hướng từ trước ra sau, từ trái sang phải, trên xuống dưới. Mặt sau ngón 1, 2 bàn chân phải có diện sây sát da bong tróc lớp thượng bì bám dính chất màu đen, kích thước (4,5 x4,0) cm. Vùng ngực bụng bầm tụ máu tổ chức dưới da, cơ, xung quanh vết thương thành ngực trái. Vết thương thành ngực trái làm đứt bán phần cung bên xương sườn số 4, rách thủng cơ liên sườn 3, 4; xuyên thấu thuỳ trên phổi trái, rách bao tim, rách thủng đoạn đầu quai động mạch chủ, kết thúc trong lòng động mạch chủ. Khoang màng phổi trái có 1.500 ml máu đông và không đông. Khoang màng ngoài tim có khoảng 300 ml máu đông và không đông. Cơ quan điều tra đã thu giữ, niêm phong 04 chiếc áo, 03 chiếc quần anh S đang mặc và mẫu máu của anh S.

Kết luận giám định số 393 ngày 21/02/2024, số 409 ngày 23/02/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Vết thương thành ngực trái hướng từ trước ra sau, từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, do vật nhọn có một lưỡi sắc tác động với lực mạnh tạo nên. Diện sây sát da, bong tróc lớp thượng bì, bám dính chất màu đen ở mặt mu ngón 1, 2 bàn chân phải do mài sát với vật tày, bề mặt không nhẵn tạo nên, là tổn thương hình thành sau chết. Nguyên nhân chết của anh S là do sốc mất máu cấp do vết thương rách thủng quai động mạch chủ. Mẫu máu của anh S được niêm phong gửi giám định thuộc nhóm máu B. Không phát hiện

thấy dấu vết máu trên 01 áo khoác màu xanh, 01 áo ghilê len màu xám, 01 quần dài nỉ màu xám có kẻ sọc trắng, 01 quần nỉ dài màu xám, 01 quần đùi màu xanh tím than. Có máu người, nhóm máu B trên các mẫu thu tại vị trí số 01, mẫu thu tại vị trí số 02; 01 quần gió dài màu đen, 01 áo khoác gió màu đen, 01 áo dài tay màu đen, 01 áo dài tay màu xám, 01 áo ba lỗ màu trắng. Văn bản số 192 ngày 04/3/2024 của Phòng K Công an tỉnh B xác định: Trường hợp H sử dụng con dao có đặc điểm như mô tả với tư thế, động tác đâm như trên có thể tạo được thương tích (vùng ngực trái trên đường nách trước, cách núm vú trái 8,5cm, cách hõm nách 7cm) trên cơ thể anh S. Trường hợp H dùng dao nhọn ở tay phải giơ lên, hướng mũi dao về phía anh S và anh S chủ động lao về phía H và bị mũi dao đâm trúng thì không thể tạo được thương tích trên cơ thể anh S.

Kết luận giám định số 149 ngày 05/01/2024, số HT55.24 ngày 30/01/2024 của V kết luận: Tìm thấy E trong mẫu máu của Nguyễn Ngọc S, nồng độ 100,5mg/100ml máu. Dấu vết trên bề mặt lưỡi dao của con dao thu tại vị trí số 4 và vị trí số 5 gửi giám định có sinh phẩm của người, có ADN nhiễm sắc thể thường với nồng độ rất thấp, không đủ điều kiện so sánh. Dấu vết trên bề mặt lưỡi dao và chuôi dao của con dao thu giữ tại vị trí số 6 gửi giám định có sinh phẩm của người, có ADN trùng khớp với ADN thu từ mẫu máu tử thi Nguyễn Ngọc S. Dấu vết trên bề mặt chuôi dao của con dao thu giữ tại vị trí số 6 gửi giám định có sinh phẩm của người, có ADN nhiễm sắc thể thường bị tạp nhiễm, trong đó có ADN nhiễm sắc thể thường trùng khớp với ADN nhiễm sắc thể thường từ mẫu máu của tử thi Nguyễn Ngọc S.

Trong các ngày 01/02/2024, 11/3/2024, Cơ quan điều tra đã cho H thực nghiệm điều tra, tự thực hiện lại hành vi dùng dao đâm anh S, kết quả H đã thực hiện thuần thục các động tác, phù hợp với các chứng cứ Cơ quan điều tra thu thập được. Sau khi kiểm tra xác định không liên quan đến vụ án, ngày 01/3/2024, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có ốp da bên ngoài màu nâu cho chị Nguyễn Thị Thu H3, sinh năm 1998, trú tại số B, đường T, phường T, quận L, TP Hà Nội là con gái anh S. Ngày 28/01/2024, chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1993, trú tại tổ dân phố P, phường D, TP B là con gái H đã mang đến Cơ quan điều tra 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo của H, sau khi kiểm tra trích xuất dữ liệu liên quan, Cơ quan điều tra đã giao lại điện thoại cho chị T1.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo H đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình anh Nguyễn Ngọc S tổng số tiền là 100 triệu đồng. Chị H3 là người đại diện theo ủy quyền yêu cầu bị cáo H bồi thường tiếp tổng số tiền là 342 triệu đồng.

Tại bản Cáo trạng số 31/CT-VKS-P2 ngày 16/5/2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức H về tội "Giết người" theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2024/HS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức H** 15 (mười lăm) năm tù về tội "Giết người", thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giữ, tạm giam 17/02/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 17/8/2024, đại diện hợp pháp của bị hại chị Nguyễn Thị Thu H3 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử phạt tù chung thân đối với bị cáo Nguyễn Đức H và buộc bị cáo Nguyễn Đức H bồi thường tổn thất tinh thần thêm 20 tháng lương cơ sở nữa, tổng cộng là 100 tháng lương cơ sở;

Ngày 20/8/2024, bị cáo Nguyễn Đức H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Bị cáo Nguyễn Đức H giữ nguyên nội dung kháng cáo và thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết. Bị cáo đồng ý với nội dung kháng cáo tăng mức bồi thường dân sự của gia đình bị hại, cụ thể bị cáo nhất trí bồi thường thêm số tiền 50.000.000 đồng tương đương 20 tháng lương cơ sở như đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu. Kết thúc phiên tòa, gia đình bị cáo sẽ bồi thường số tiền này. Bị cáo rất ăn năn vì đã không làm chủ được bản thân để xảy ra sự việc đau lòng. Bị cáo xin gia đình bị hại tha lỗi cho bị cáo.

Đại diện hợp pháp của bị hại chị Nguyễn Thị Thu H3 trình bày: Chị đồng ý việc bị cáo bồi thường theo yêu cầu và nếu bị cáo xác định bồi thường đủ thì chị rút nội dung kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo H, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hình phạt của bị cáo theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T: Bị cáo đã rất ân hận, tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại, gia đình đồng ý sau khi kết thúc phiên tòa sẽ bồi thường tiếp 50.000.000 đồng cho gia đình bị hại; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người làm chứng ông Vũ Trí L2 và ông Nguyễn Thanh N1 trình bày: Giữ nguyên lời khai tại giai đoạn sơ thẩm và không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán chủ tọa, Thư ký Tòa án, bị cáo, luật sư và người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xét kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại chị Nguyễn Thị Thu H3, tại phiên tòa phúc thẩm, chị H3 đã rút một phần nội dung kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt của bị cáo, xét việc rút kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại là tự nguyện, cần được chấp nhận. Bị cáo và đại diện bị hại đã đạt được thỏa thuận về mức bồi thường dân sự với số tiền 50.000.000 đồng, cần được công nhận. Căn cứ Điều 342, Điều 348- BLHS, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo tăng hình phạt và công nhận sự thỏa thuận về mức bồi thường dân sự giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại.

Xét nội dung kháng cáo của bị cáo: Tại giai đoạn phúc thẩm, gia đình bị cáo có nộp thêm một số tài liệu thuộc điểm b, khoản 1 và khoản 2 Điều 51-BLHS, nhận thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm mức án phạt cho bị cáo từ 01 – 02 năm tù.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Áp dụng các tình tiết giảm nhẹ điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có công với cách mạng, có nhiều Huân huy chương trong công cuộc kháng chiến, căn cứ vào nhưng tài liệu trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đại diện cho bị hại trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại về việc bồi thường dân sự, tổn thất tinh thần số tiền 50.000.000 đồng. Về việc rút kháng cáo của chị H3 là tự nguyện, có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận; tuy nhiên chị H3 không đề nghị giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên mức hình phạt của bị cáo H.

Bị cáo nói lời sau cùng: Kính thưa Hội đồng xét xử, bị cáo thấy ân hận về hành vi của mình và tác động của nó cho xã hội, bị cáo xin gửi lời xin lỗi đến gia đình bị hại; kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B,

Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm; bị cáo, luật sư bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đơn kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại trong hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về hành vi phạm tội, tội danh của bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu cụ thể:

Hồi 19 giờ ngày 26/01/2024, Nguyễn Đức H đến nhà ông Vũ Trí L2 ở cùng thôn ăn cơm, uống rượu cùng ông L2 và em con cậu là Nguyễn Ngọc S. Sau khi ăn cơm, uống rượu xong, do có mâu thuẫn trong việc pha cà phê, giữa H và anh S đã xảy ra mâu thuẫn, anh S và H đều lấy dao ở bếp nhà ông L2 để xô xát với nhau nhưng được ông L2 can ngăn. Anh S cầm dao đi sang vườn nhà ông Nguyễn Thanh N1, H cầm dao đi theo sau. Tại vườn nhà ông N1, hai bên tiếp tục xảy ra xô xát, H cầm con dao nhọn, loại dao chọc tiết lợn đâm một nhát vào vùng ngực trái anh S làm anh S tử vong do sốc mất máu cấp do vết thương rách thủng quai động mạch chủ.

Như vậy xuất phát từ việc tại nhà anh L2 bị cáo và bị hại có lời lẽ không đúng mực với nhau dẫn đến xô sát với nhau, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt sau bữa ăn nhà anh L2 mà bị cáo đã cầm con dao nhọn, loại dao chọc tiết lợn đâm một nhát vào vùng ngực trái anh S làm anh S tử vong. Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và hành vi của bị cáo được thực hiện một cách cố ý, thể hiện rõ tính chất côn đồ và ý thức chủ quan của bị cáo là cố ý tước đoạt tính mạng của bị hại. Buộc bị cáo phải nhận thức rõ hành vi của mình dùng dao đâm thẳng vào cơ thể người có khả năng làm nạn nhân chết, bị cáo cố tình thực hiện và bỏ mặc cho hậu quả xảy ra. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo về tội "Giết người" theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật, đúng người đúng tội, không oan, sai.

[3] Xét kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của bị hại đã rút yêu cầu kháng cáo đề nghị xử phạt tù Chung thân đối với bị cáo, xét thấy việc rút một phần nội dung kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

[3.2]. Về kháng cáo trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận về mức bồi thường dân sự với số tiền

50.000.000 đồng tổn thất tinh thần, xét việc thỏa thuận giữa hai bên hoàn toàn tự nguyện, đúng với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự điểm b, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51- Bộ luật hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ.

Tại quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo tác động gia đình bồi thường tiếp số tiền 66.170.000 đồng nên cần tiếp tục áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 51-BLHS cho bị cáo. Ngoài ra gia đình bị cáo đã cung cấp thêm các tài liệu gồm: Đơn xác nhận tích cực tham gia phong trào của địa phương, Huân chương kháng chiến hạng nhì của bố đẻ bị cáo là ông Nguyễn Xuân N, Huân chương kháng chiến hạng ba, được Tổ quốc ghi công của chú ruột bị cáo là ông Nguyễn Văn X, Huân chương kháng chiến hạng nhì của anh ruột bị cáo là ông Nguyễn Thanh N1; nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm số tiền 3.508.000 đồng nên cần áp dụng là tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2, Điều 51-BLHS cho bị cáo.

Xét bị cáo đã thực sự thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đã tích cực tác động gia đình bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại; xét nguyên nhân để xảy ra hành vi phạm tội do bột phát xuất phát từ việc mâu thuẫn nhỏ nhưng bị cáo không làm chủ được hành vi, bị hại cũng có 1 phần lỗi. Tại giai đoạn phúc thẩm có thêm tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[6]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, bị cáo Nguyễn Đức H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Đại diện hợp pháp của bị hại chị Nguyễn Thị Thu H3 đã rút một phần nội dung kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 342, Điều 348 (đối với đại diện hợp pháp của bị hại chị Nguyễn Thị Thu H3); điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại chị Nguyễn Thị Thu H3 đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đức H;

2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức H;

Chấp nhận một phần kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại chị Nguyễn Thị Thu H3;

Sửa một phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2024/HS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau:

- Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, điểm s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức H** 13 (mười ba) năm tù về tội "Giết người", thời hạn tù tính từ lúc bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 27/01/2024.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 591 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Đức H phải bồi thường cho đại diện gia đình bị hại do chị Nguyễn Thị Thu H3 đại diện nhận số tiền 266.170.000 đồng.

Xác nhận bị cáo bồi thường 266.170.000 đồng trong đó 100.000.000 đồng gia đình chị H3 đã nhận trực tiếp và 100.000.000 đồng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang theo biên lai thu số 0000009 ngày 30/7/2024 và 66.170.000 đồng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang theo biên lai thu số 0000046 ngày 21/8/2024.

Công nhận sự thỏa thuận về mức bồi thường dân sự giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại; bị cáo bồi thường 50.000.000 đồng *(năm mươi triệu đồng)* tổn thất tinh thần cho đại diện hợp pháp của bị hại (do chị Nguyễn Thị Thu H3 là đại diện).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Đức H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

- Đại diện hợp pháp của bị hại chị Nguyễn Thị Thu H3 không phải chịu án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ I – Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang (2 bản);
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Trại Tạm giam – CA tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo (theo trại);
- Người tham gia tố tụng khác (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, Phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ong Thân T